

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
(tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)

LOGO CÔNG TY

Chlorine

Số CAS : 7782-50-5
Số UN : 1017
Số đăng ký EC: 231-959-5
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 6.1+8 - Chất độc hại và Chất ăn mòn
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có)



Phần I – Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi: Cl₂	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: Chlorine	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com
Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Trung Quốc	
- Mục đích sử dụng: Xử lý nước thải, công nghiệp lọc nước, sử dụng trong công nghiệp (giấy, hàng dệt).	

Phần II – Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hoá học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Chlorine	7782-50-5	Cl ₂	≤ 99,9%

Phần III – Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm: (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Chất oxy hoá và nguy hiểm.

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- Cháy, nổ, hoặc độc khi tiếp xúc: Gây nguy hiểm đến khi mạng khi uống nhầm và gây bỏng cho mắt, da, gây kích ứng đường hô hấp nếu hít phải tiếp xúc với các bộ phận trên.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo, mát mẻ, giữ kín thùng, Tránh xa tầm tay trẻ em.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây bỏng lên mắt.
- Đường thở: Gây kích ứng cho đường hô hấp. Gây mệt mỏi, buồn nôn, khó chịu.

- Đường da: Gây bỏng da.
- Đường tiêu hoá: Gây nguy hiểm.

Phần IV – Biện pháp sơ cứu khi gặp nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Tìm ngay bác sỹ. Rửa nước, cố gắng mở to mắt. Tìm hướng dẫn của bác sỹ.
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Tìm ngay bác sỹ. Rửa nhiều nước và xả phòng, thay quần áo và giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc qua đường hô hấp (hít thở phải hoá chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Ra khỏi khu vực bị nạn. Nếu không thở được, làm hô hấp nhân tạo cho người bị nạn. Nếu thấy khó thở cho người bị nạn thở oxy.
4. Đường tiêu hoá (ăn, uống nuốt nhầm hoá chất): Không nên gây nôn. Uống nhiều nước, không cho người bị nạn uống bất kỳ thức uống gì và đi đến bác sỹ ngay.
5. Lưu ý đối với bác sỹ điều trị (nếu có)

Phần V – Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy:
2. Sản phẩm tạo ra khi cháy: Không có thông tin.
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát): Không có thông tin
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Hoá chất khô, CO₂, xịt nước, mút, đất, cát.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Vòi phun nước, mặt nạ, găng tay, ủng.
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Phần VI – Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức độ nhỏ: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.

Phần VII – Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Rửa sạch tay sau khi sử dụng, sử dụng trong khu vực thông thoáng, giữ kín thùng chứa dung dịch, không để dung dịch dây vào mắt, da và quần áo. Tránh hít, thở làn hơi hóa chất.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung): Giữ kín thùng. Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo. Tránh xa tầm tay trẻ em. Tránh xa các nguồn nhiệt, điện. Lưu giữ hoá chất ở khu vực riêng biệt.

Phần VIII – Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc): Khẩu trang, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động.
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:
 - Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ.
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: Đeo găng tay.
 - Bảo vệ chân: Mang ủng.
 - Bảo vệ đường hô hấp: Đeo khẩu trang
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Mặt nạ phòng khí độc, găng tay, ủng.
4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc): Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, thay quần áo, giày dép bị hoá chất dây vào và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phần IX – Đặc tính hoá lý

Trạng thái vật lý: Dạng khí khi thoát ra môi trường	Điểm sôi : -34 °C
Màu sắc: vàng hơi lục	Điểm cháy(°C): -101°C
Mùi đặc trưng: Mùi hăng	Điểm bùng cháy(°C): không phù hợp
Áp suất hóa hơi: 5047 mmHg hPa ở 20°C	Nhiệt độ tự phân huỷ:
Khối lượng riêng: 1.4 g/cm ³ ở 20°C	Giới hạn nồng độ cháy nổ trên: không phù hợp
Độ hoà tan trong nước: 0.7g/100ml ở 20°C	Giới hạn nồng độ cháy nổ dưới: không phù hợp

pH của dung dịch nước: Không phù hợp	Các tính chất khác tham khảo:
Trạng thái vật lý:	Điểm sôi : chưa phù hợp

Phần X – Tính ổn định và khả năng phản ứng

- Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với các tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện khô ráo thoáng mát. Để xa các khử, chất hữu cơ. Nhiệt độ, ánh sáng và ô nhiễm sẽ gây ra phản ứng phân hủy.
- Khả năng phản ứng:
 - Khi gặp nhiệt $\text{Ca}(\text{OCl})_2$: tạo ra khí Cl_2 và $\text{Ca}(\text{OH})_2$.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Nhiệt, lửa ngọn, các chất dễ cháy.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: Các chất oxy hoá mạnh, Aniline, Phenol, Isocyanates, Acid anhydrides, các axit, các bazo mạnh, các amines, chất hãm...
 - Phản ứng trùng hợp: Không có thông tin.

Phần XI – Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Chlorine	LD50	850mg/kg	Miệng	Chuột

- Các ảnh hưởng mãn tính với người (ung thư, độc sinh sản.): Chưa có thông tin
- Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin.

Phần XII – Thông tin về sinh thái môi trường

- Độc tính với sinh vật:

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Chlorine	Có hại với các sinh vật	Không có thông tin	Chưa có thông tin

- Tác động trong môi trường

- Mức độ phân huỷ sinh học : Chưa có thông tin.
- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân huỷ sinh học: Chưa có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân huỷ sinh học: Chưa có thông tin

Phần XIII – Biện pháp và qui định về tiêu huỷ hoá chất

- Thông tin quy định tiêu huỷ (thông tin về luật pháp): Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải: AM, Đ, ĐS theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.
- Biện pháp tiêu huỷ: Thu hồi hoặc tái chế nếu có thể.
- Sản phẩm của quá trình tiêu huỷ, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin.

Phần XIV – Qui định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa;	1017	Clo	6.1+8 - Chất độc hại và Chất ăn mòn	40kg/Thùng		 Xếp hàng theo chiều mũi tên
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... - Quốc tế: Nước, I.M.O	1017	Chlorine	6.1+8 - Chất độc hại và Chất ăn mòn	40kg/Drum		IMDG III

Phần XV – Thông tin về pháp luật

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia, đăng ký: 8- Chất ăn mòn.

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định số: 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số: 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

Phần XVI – Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15/08/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức soạn thảo: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hóa Chất Thịnh Phúc**

Lưu ý người đọc:

- *Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.*
- *Hoá chất nguy hiểm trong phiếu nay có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.*

(Ban hành theo mẫu Phụ lục 9, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất)